

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động của nhóm cổ phiếu nhựa - hóa chất và thủy sản với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

VHM, MWG

[Cập nhật công ty]

TPB

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng điểm, chỉ gia tăng tỷ trọng trading gổ đầu cho các vị thế đang nắm giữ khi chỉ số hoặc các mã mục tiêu quay xuống vùng hỗ trợ

25/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,267.86	-1.09
VN30	1,270.00	-1.10
HĐTL VN30F1M	1,268.90	-1.21
HNXIndex	240.81	-0.36
HNX30	528.87	-0.54
UPCoM	91.09	+0.15
USD/VND	24,761	-0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.55	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.20	+10
Dầu (WTI, \$)	81.05	+0.52
Vàng (LME, \$)	2,165.64	+0.01



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,267.86 (-1.09%)
KLGD (triệu CP) 1,165.9 (+5.4%)
GTGD (triệu US\$) 1,181.6 (-15.7%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động của nhóm cổ phiếu nhựa - hóa chất và thủy sản với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 539.05 tỷ đồng, tập trung tại VNM (-0.74%), MSN (-3.82%), VHM (-0.58%).

HNXIndex 240.81 (-0.36%)
KLGD (triệu CP) 128.8 (+5.7%)
GTGD (triệu US\$) 115.3 (+13.7%)

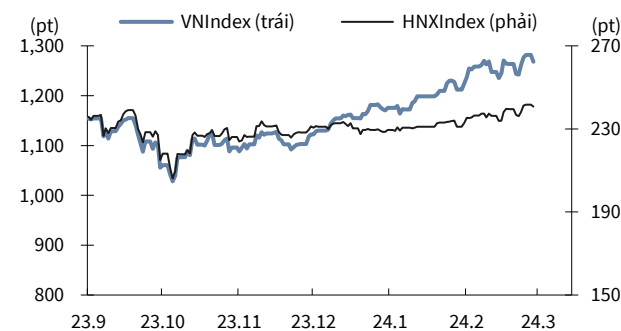
Giá thép giao tháng 5/2024 trên Sàn giao dịch Thương Hải giảm 27 nhân dân tệ xuống mức 3,585 nhân dân tệ/tấn tại thời điểm khảo sát vào lúc 9h45 ngày 25/3 (theo giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành thép giảm giá ở HPG (-1.15%), HSG (-1.08%).

UPCoM 91.09 (+0.15%)
KLGD (triệu CP) 38.8 (-42.2%)
GTGD (triệu US\$) 20.3 (-15.8%)

Giá gas hôm nay (25/3) giảm 0.28%, xuống mức 1.8 USD/mmBTU đối với hợp đồng khí gas tự nhiên giao tháng 4/2024 vào lúc 8h00 (giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành dầu khí giảm giá ở PVB (-0.85%), PVD (-0.63%).

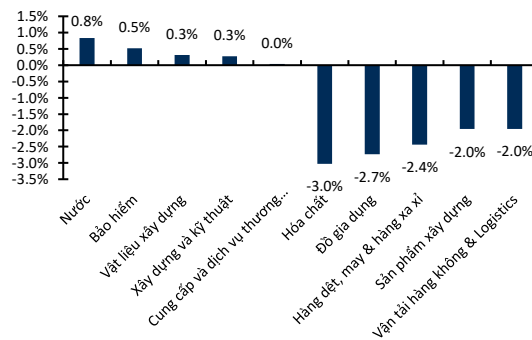
NDTNN mua ròng (triệu US\$) -19.7

VNIndex & HNXIndex



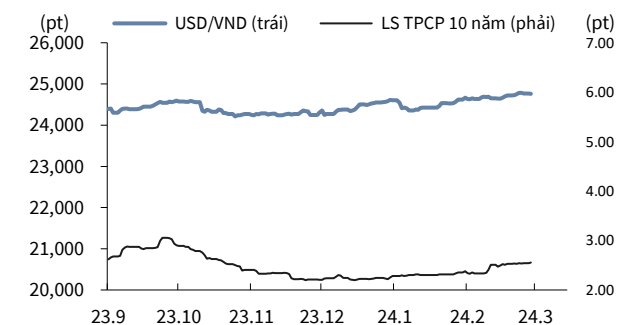
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



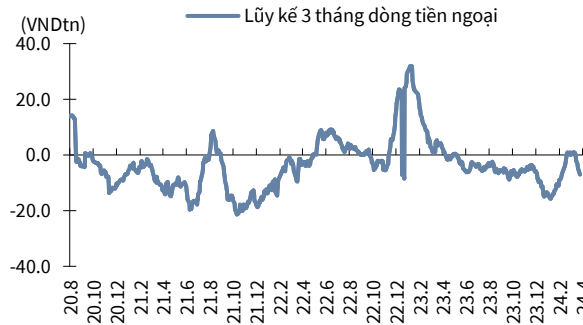
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

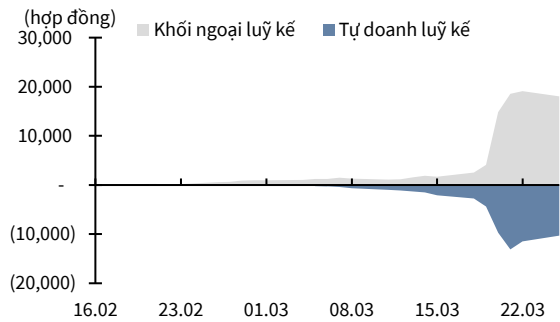
VN30	1,270.00 (-1.10%)
VN30F1M	1,268.9 (-1.21%)
Mở cửa	1,281.0
Cao nhất	1,288.0
Thấp nhất	1,267.2

KLGD (HĐ) **226,483 (-16.6%)**

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2404 và VN30 ghi nhận mức thấp nhất tại -8.04 điểm ở đầu phiên sáng, sau đó biến động quanh mức -2 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -1.1 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

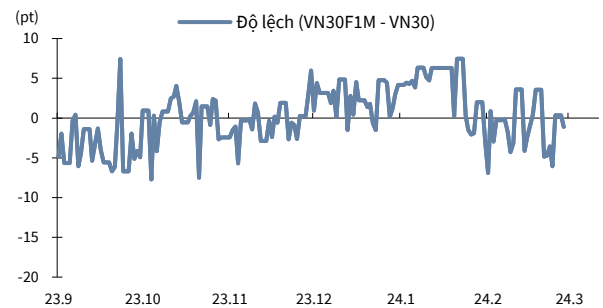
Khối ngoại bán ròng 1,035 HĐTL VN30F2404 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 18,074 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 1,134 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 10,319 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



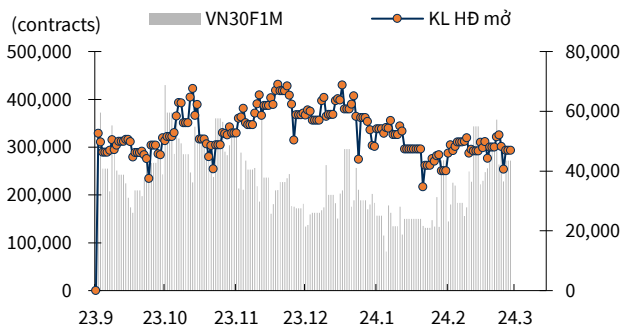
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



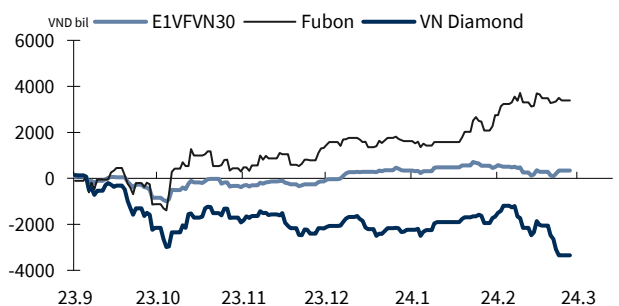
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

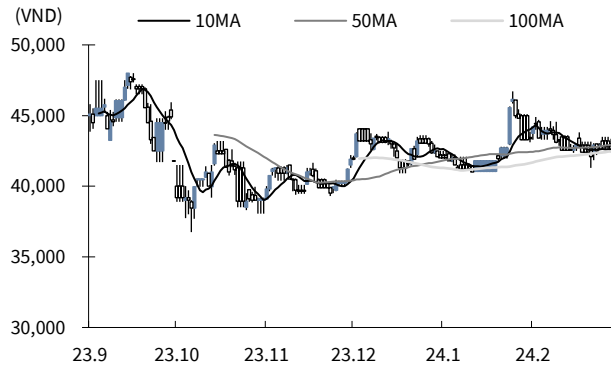
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Vinhomes (VHM)

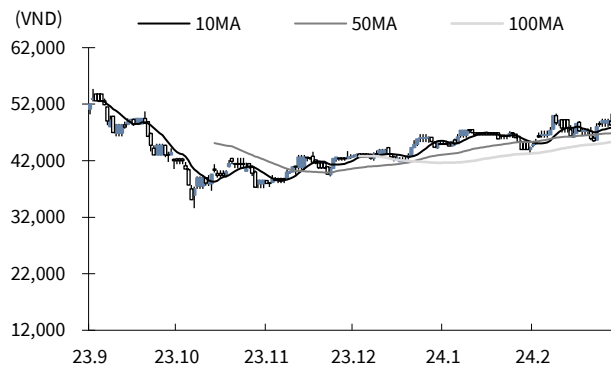


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHM giảm 0.58% xuống 42,550 VND/cp

- Công ty cổ phần Vinhomes vừa thông qua quyết định huy động vốn tổng cộng 10,000 tỷ đồng, thông qua các đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong thời gian tới. Trái phiếu thuộc loại không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản bảo đảm. Thời gian phát hành muộn nhất là vào quý III năm nay. Kỳ hạn trái phiếu tối đa từ 2 đến 3 năm tính từ ngày phát hành của đợt chào bán.

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG giảm 1.63% xuống 48,300 VND/cp

- CTCP Đầu tư Thế giới Di động cho biết tổng doanh thu hai tháng đầu năm đạt 21,613 tỷ đồng, tăng 14% YoY và đạt 17% mục tiêu năm (125,000 tỷ). Lũy kế hai tháng đầu năm, tổng doanh thu hai chuỗi Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh đạt 14,900 tỷ đồng tăng 3% YoY, trong bối cảnh tổng số cửa hàng đang hoạt động của Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh ít hơn 210 điểm bán so với cuối tháng 2/2023.

25/03/2024

Chuyên viên phân tích Vũ Thu Uyên
uyenvt@kbsec.com.vn

KQKD 2023: LNTT giảm mạnh 28.7% YoY, đạt 5,589 tỷ đồng

Trong Q4/2023, thu nhập lãi thuần của TPB đã cải thiện lên mức 3,996 tỷ đồng (+35% QoQ và 43.8% YoY) khiến tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 4,443 tỷ đồng (+5.4% QoQ và 21.3% YoY). Tuy nhiên, do ngân hàng vẫn duy trì mức trích lập cao đạt 1,843 tỷ đồng (+12% YoY) nên LNTT giảm sâu chỉ còn 630 tỷ đồng (-66.9% YoY). Lũy kế cả năm 2023, LNTT giảm mạnh 28.7% YoY, đạt 5,589 tỷ đồng.

Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng sẽ tăng tốc theo đà phục hồi của nhu cầu tiêu dùng và thị trường BĐS

Hạn mức tín dụng của TPBank được NHNN cấp trong năm 2024 là 15.75%. Chúng tôi cho rằng ngân hàng sẽ hoàn thành mức room được giao, động lực trong nửa đầu năm sẽ đến từ nhóm KHDN nhờ triển vọng tích cực của hoạt động xuất khẩu và đầu tư công; trong khi nửa cuối năm kỳ vọng kinh tế phục hồi cùng với nhu cầu tiêu dùng gia tăng sẽ cải thiện kết quả kinh doanh ở nhóm KHCN.

NIM cải thiện nhờ đà giảm tiếp diễn của chi phí vốn

Chi phí vốn (COF) sẽ giảm mạnh do: 1) Các khoản tiền gửi lãi suất cao giao đoạn 4Q2022 – 2Q2023 kỳ hạn 12 tháng sẽ đáo hạn vào nửa đầu năm 2024; 2) Lãi suất huy động dự báo vẫn duy trì ở mức thấp; và 3) Tỷ lệ CASA cải thiện.

Tích cực đẩy mạnh xử lý nợ xấu giúp giảm áp lực trích lập trong 2024

Dự báo chất lượng tài sản sẽ cải thiện nhẹ trong bối cảnh kinh tế phục hồi, thị trường BĐS ấm lên. Tuy nhiên, áp lực trích lập dự phòng sẽ chỉ giảm nhẹ do số dư nợ xấu vẫn còn khá cao so với giai đoạn trước (NPL ~1%) khiến ngân hàng vẫn phải đẩy mạnh trích lập và xử lý nợ xấu để kiểm soát chất lượng tài sản.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 22,400 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu TPB. Giá mục tiêu cho năm 2024 là 22,400VND/cp, cao hơn 19.6% so với giá tại ngày 21/03/2024.

MUA Duy trì

Giá mục tiêu	VND22,400
Tăng/Giảm	19.6%
Giá hiện tại (21/03/2024)	VND18,750
Giá mục tiêu đồng thuận	VND19,500
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND/tỷ USD)	41,281/1.66

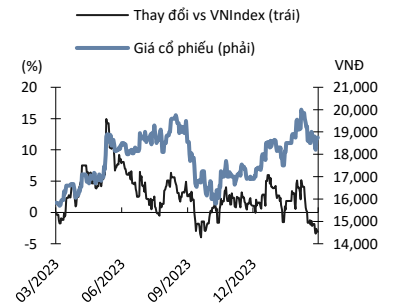
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	62.2
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	226.0/9.1
Sở hữu nước ngoài (%)	29.79
Cơ cấu cổ đông	CTCP FPT (6.77%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-4	11	1	18
Tương đối	-8	-4	-6	-3

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2022	2023	2024F	2025F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VNĐ)	11,387	12,425	14,740	17,594
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VNĐ)	9,672	9,535	11,655	13,755
LNST (tỷ VNĐ)	6,261	4,463	6,383	8,310
EPS (VNĐ)	3,958	2,027	2,899	3,774
Tăng trưởng EPS (%)	30%	-49%	43%	30%
PER (x)	4.6	9.0	6.3	4.8
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	20,382	14,872	17,772	21,546
PBR (x)	0.89	1.22	1.02	0.84
ROE (%)	21.5	13.7	17.8	19.2
Tỉ suất cổ tức (%)	0.0	13.3	0.0	0.0

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co với biên độ hẹp trước khi bắt đầu lao dốc và mở rộng đà giảm điểm về phiên chiều.
- Trạng thái thị trường trở nên tiêu cực hơn khi chỉ số lập tức suy yếu và giảm điểm khi nhóm cổ phiếu trụ điều chỉnh, hình thành mẫu hình nến “Evening star” và bỏ ngỏ xác suất đảo chiều cho chỉ số. Chúng tôi tiếp tục lưu ý diễn biến kém khả quan trong những phiên tới của VNIndex trong khi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn vẫn đang suy yếu. Mặc dù vậy, với việc xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn vẫn chưa bị vi phạm, chỉ số được kỳ vọng sẽ cho phản ứng hồi phục trở lại quanh 1210 (+10)
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng điểm, chỉ gia tăng tỷ trọng trading gổ đầu cho các vị thế đang nắm giữ khi chỉ số hoặc các mã mục tiêu quay xuống vùng hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1287 – 1290

Kháng cự gần: 1276 – 1278

Hỗ trợ gần: 1255 – 1259

Hỗ trợ xa: 1240 – 1243

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, F1 dần hồi phục về ngưỡng tham chiếu trước khi bắt đầu lao dốc và mở rộng đà giảm điểm trở lại về cuối phiên.
 - Áp lực đến từ phe Short gia tăng khi chỉ số chạm quanh vùng kháng cự gần khiến cho F1 lập tức suy yếu, bất chấp những nỗ lực hồi phục từ phe Long trong phiên sáng, cho thấy vị thế có phần chủ động hơn từ phe Short và đi kèm những tín hiệu phân phối mạnh tiềm tàng. Mặc dù vậy, với việc xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn vẫn chưa bị vi phạm, chỉ số được kỳ vọng sẽ cho phản ứng hồi phục trở lại quanh 1215 (+10)
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế Short đã mở.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

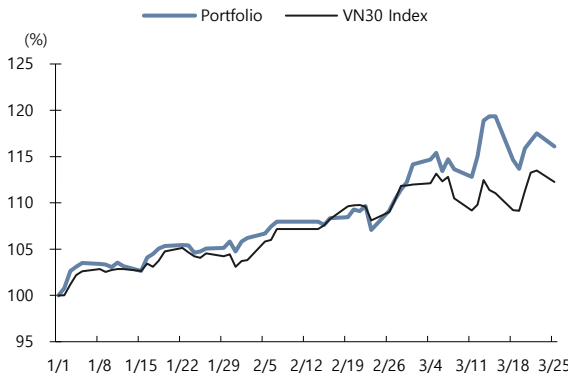
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.10%	-1.19%
Tăng lũy kế (YTD)	12.24%	16.10%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 25/03/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	37,500	-0.8%	45.6%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Gemadep (GMD)	01/03/2024	78,100	-0.6%	2.2%	- Dự địa tăng trưởng vượt trội nhờ tăng công suất giai đoạn 2024-2026 - Hưởng lợi từ Thông tư 39 điều chỉnh biểu khung giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam - Hưởng lợi từ sự phục hồi của hoạt động xuất nhập khẩu
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	95,700	-0.7%	-2.5%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Digiworld (DGW)	01/03/2024	64,800	-3.3%	16.1%	- Triển vọng hồi phục phụ thuộc vào sức mua - Đóng góp của các ngành hàng mới
PV Drilling (PVD)	01/02/2024	31,750	-0.6%	14.8%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	01/02/2024	21,700	-1.4%	7.4%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
BSI (BSI)	01/03/2024	61,300	-1.9%	11.7%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Hai An Transport (HAH)	01/03/2024	42,450	-1.3%	1.2%	- Giá cước có thể cải thiện nhờ thời tiết, ảnh hưởng tới lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HĐKD và tăng sản lượng hàng qua cảng
Coteccons (CTD)	02/01/2024	72,500	1.3%	5.4%	- Mạng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/03/2024	96,000	-2.5%	6.2%	- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của vàng trang sức - Mở rộng mạng lưới cửa hàng đồng thời cải thiện doanh thu trên cửa hàng, tìm kiếm tệp khách hàng mới

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%,-1d)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVL	3.5%	3.9%	236.9
PDR	-0.2%	7.7%	61.1
STB	-2.5%	24.2%	40.9
VCB	-0.7%	23.5%	37.7
SSI	-0.8%	43.2%	30.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%,-1d)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.7%	52.0%	-163.7
MSN	-3.8%	27.4%	-134.4
VHM	-0.6%	21.7%	-103.0
VND	-1.4%	22.1%	-89.5
PVD	-0.6%	21.3%	-55.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%,-1d)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	1.0%	17.4%	32.9
IDC	-2.5%	20.9%	7.1
CEO	-0.9%	5.1%	2.9
TNG	-1.4%	21.6%	1.8
HLC	2.8%	8.4%	1.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%,-1d)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	0.5%	10.3%	-4.6
TIG	-1.5%	10.9%	-3.6
TA9	0.6%	0.0%	-0.8
DHT	-0.4%	36.3%	-0.8
MST	-2.7%	1.3%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và kỹ thuật	5.7%	DIG, HDG, VCG, PC1
Thiết bị điện	5.1%	GEX, SAM, CAV, RAL
Ngân hàng	3.5%	VCB, BID, VPB, TCB
Máy móc	3.2%	TCH, HHS, SRF, SHA
Tập đoàn công nghiệp	2.8%	REE, BCG, PET, EVG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Vận tải hàng không & Logistics	-4.7%	TMS, SCS, STG, ASG
Đồ gia dụng	-4.3%	TTF, GDT, EVE, SAV
Tiện ích điện	-1.5%	PGV, NT2, PPC, TTA
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-1.5%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Thực phẩm	-1.3%	VNM, MSN, KDC, VHC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	15.5%	TNH, JVC, VMD
Xây dựng và kỹ thuật	15.0%	DIG, HDG, VCG, PC1
Hóa chất	13.6%	GVR, DGC, DPM, DCM
Đồ gia dụng	13.6%	TTF, GDT, EVE, SAV
Chứng khoán	12.4%	SSI, VND, HCM, VCI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	-5.5%	PGV, NT2, PPC, TTA
Thương mại & phân phối	-3.9%	VPG, TSC, BTT, TNA
Hàng không dân dụng	-2.3%	VJC, HVN
Đồ uống	-1.6%	SAB, BHN, SMB, SCD
Vật liệu xây dựng	-1.4%	HT1, PTB, GAB, ACC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	197,184 (8.0)	22.5	1,249.3	50.8	14.7	0.0	3.0	1.6	1.5	0.5	1.6	3.7	5.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	375,573 (15.2)	26.6	5.3	5.0	35.9	17.1	15.9	0.9	0.8	-0.6	1.1	-1.7	-1.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	362,190 (14.7)	17.8	14.3	12.6	-7.6	10.9	10.8	1.4	1.3	-2.4	-5.4	2.4	11.8
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	488,266 (19.8)	31.3	-	32.8	6.7	-0.7	2.9	1.0	0.9	3.5	6.0	4.1	3.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	181,331 (7.3)	11.6	29.7	27.8	13.7	7.1	7.6	1.9	2.0	-0.5	-0.8	16.2	17.5
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	308,650 (12.5)	13.9	42.9	28.3	-	2.8	4.1	1.3	1.3	-0.8	3.7	9.1	1.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	178,787 (7.2)	6.3	15.3	13.7	11.7	18.6	18.3	2.7	2.3	-0.7	2.9	7.6	19.2
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	96,069 (3.9)	12.7	14.0	11.5	-5.3	18.3	18.2	2.1	1.8	-2.2	1.9	1.9	22.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	421,089 (17.0)	0.0	7.2	5.7	14.3	16.2	17.1	1.1	0.9	-0.2	11.7	11.7	40.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	356,177 (14.4)	1.4	8.7	6.7	50.3	17.2	19.3	-	-	-2.8	4.2	-1.4	28.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	280,528 (11.4)	0.0	10.6	7.8	18.8	11.6	13.2	1.0	1.0	0.5	3.8	-3.1	-1.6
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	625,970 (25.3)	0.0	5.8	5.0	14.6	21.3	20.1	1.2	1.0	-1.4	6.5	3.3	32.4
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	148,726 (6.0)	4.2	5.4	4.6	23.3	24.9	23.5	1.2	1.0	-1.1	5.6	4.7	16.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	656,148 (26.6)	14.0	6.2	4.0	26.5	20.0	25.1	1.1	0.8	-2.5	2.0	0.7	10.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	258,470 (10.5)	0.0	7.2	5.6	37.4	16.7	18.5	1.1	1.0	1.3	3.8	-0.5	9.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	286,012 (11.6)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.3	0.3	0.5	0.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	29,145 (1.2)	21.0	18.6	15.4	15.8	7.8	9.0	1.4	1.4	0.7	1.9	2.0	8.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	5,432 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.4	2.1	7.8	13.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	1,109,311 (44.9)	55.4	22.2	18.1	-3.2	11.6	12.4	-	-	-0.8	2.3	9.8	14.3
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	469,077 (19.0)	71.9	32.0	23.8	-4.0	13.4	14.2	3.4	3.3	-3.2	0.6	19.4	21.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	311,507 (12.6)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	-1.7	3.7	6.2	18.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	883,839 (35.8)	27.2	20.6	15.5	36.3	10.7	11.8	1.9	1.8	-1.4	3.2	8.6	7.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	349,721 (14.2)	42.1	16.9	14.6	4.0	28.9	30.0	4.7	4.8	-0.7	-0.9	-5.2	-0.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	90,848 (3.7)	36.9	17.3	16.2	7.3	17.2	17.4	2.8	2.6	-0.5	0.5	0.0	-9.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	473,570 (19.2)	16.5	49.8	25.0	-51.9	9.3	16.7	3.8	3.4	-3.8	-3.1	13.2	12.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	14,283 (0.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.2	2.9	0.7	-8.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	65,644 (2.7)	11.0	31.8	18.5	-88.5	12.5	17.6	-	-	-1.5	-1.1	-3.0	-6.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	160,618 (6.5)	10.8	21.1	17.6	-57.0	13.2	14.6	2.6	2.4	-0.6	0.3	11.9	10.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	244,637 (9.9)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	-0.8	1.1	4.6	11.3
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	56,806 (2.3)	48.0	27.2	22.0	26.2	28.1	29.0	6.3	5.3	1.3	12.4	32.4	41.6
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	571,615 (23.1)	37.7	35.3	17.3	-14.4	7.9	6.7	-	-	-1.8	8.2	12.1	3.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	183,102 (7.4)	3.6	23.7	15.9	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	1.3	1.3	10.2	5.4
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	70,997 (2.9)	0.0	10.5	9.4	-4.5	12.4	13.9	1.3	1.2	-0.9	2.9	8.5	11.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	125,483 (5.1)	46.1	17.0	15.8	-17.5	16.3	16.4	2.4	2.2	-0.1	0.2	5.2	6.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	28,094 (1.1)	31.4	-	14.7	-10.5	6.3	12.4	1.9	1.9	0.0	0.4	-4.1	0.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,740 (0.1)	34.1	6.3	5.7	-5.1	16.4	17.5	-	-	1.5	1.9	-0.4	-6.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	1,001,145 (40.6)	18.0	13.7	10.0	21.9	11.5	14.6	1.5	1.4	-1.1	2.0	6.3	8.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	124,421 (5.0)	36.5	16.4	18.3	-0.5	8.2	7.7	1.2	1.2	-0.8	1.3	4.8	5.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	188,787 (7.6)	46.5	11.4	15.7	-4.5	15.6	15.1	1.8	1.8	-1.6	1.0	4.4	6.3
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	300,092 (12.1)	38.9	15.0	9.1	67.9	9.3	16.3	1.3	1.1	-1.1	6.2	3.8	0.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	41,315 (1.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-1.4	2.9	-0.5	13.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	56,912 (2.3)	4.6	15.0	13.9	-51.0	11.8	12.2	1.8	1.7	-1.6	2.5	6.6	8.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	262,643 (10.6)	39.9	17.7	12.1	-11.9	6.4	7.8	1.1	1.1	-0.6	1.6	12.0	12.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	133,310 (5.4)	35.9	8.1	6.9	2.2	16.2	16.5	1.2	1.1	-0.5	-1.6	9.4	8.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	639,805 (25.9)	0.0	23.7	12.5	14.4	9.4	14.4	2.8	2.5	-1.6	5.2	9.8	12.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	187,678 (7.6)	0.0	14.7	12.9	2.4	21.5	21.6	2.9	2.5	-2.5	-1.3	9.3	11.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	20,956 (0.8)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.9	-5.1	-2.8	-14.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	124,843 (5.1)	30.3	63.5	30.2	-75.2	31.8	31.2	10.7	8.3	-1.1	-1.3	13.1	38.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	54,148 (2.2)	34.6	22.2	14.3	41.2	11.4	16.7	2.8	2.6	-2.3	3.3	13.4	25.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,692 (0.1)	45.4	15.4	15.2	10.7	19.9	19.2	-	-	0.1	-1.1	7.2	11.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	400,518 (16.2)	0.0	18.7	15.3	15.5	29.3	30.2	5.1	4.3	-0.8	0.9	9.7	18.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

